

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **111/2024/DS-ST**

Ngày: 22/7/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Minh**.
2. Ông **Nguyễn Văn Y**.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bế Thị Huệ**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2024/QĐXXST-DS ngày 14/06/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2024/QĐST-DS ngày 05/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thanh V, sinh năm 1982;

Địa chỉ: số 3/7, tổ 3, ấp 3, xã TQT, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Phan Thị K, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Tây 1, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt anh V, vắng mặt bà K)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tường trình ngày 01/02/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh V trình bày:*

Ngày 15/5/2016, bà Phan Thị K có vay của anh V số tiền 5.000.000đồng, thời hạn vay là 50 ngày tính từ ngày 15/5/2016. Đến hạn trả nợ, anh V có gọi điện

thoại nhắc nhở bà K trả nợ cho anh V, nhưng bà K không nghe máy và cố tình tránh mặt anh.

Nay anh V yêu cầu bà Phan Thị K trả cho anh 5.000.000 đồng nợ gốc; số tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận là: 1,66%/tháng, tạm tính từ ngày 30/6/2023-30/12/2023 là 90 ngày với số tiền 7.470.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 12.470.000 đồng. Ngoài ra, anh V còn yêu cầu bà K tiếp tục trả lãi chậm trả do vi phạm hợp đồng là 1,66%/tháng được tính từ ngày 31/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật

* Bị đơn bà Phan Thị K vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù bà đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa hôm nay

- Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi, chỉ yêu cầu bà K trả cho nguyên đơn phần nợ gốc 5.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Phan Thị K tiếp tục vắng mặt, không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn nhiều lần vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn Kiều.

Xét, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh V là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào Điều 5, Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân

sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

[3] - Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xuất trình ra được chứng cứ là bản chính Hợp đồng mượn tiền giữa anh và bà Phan Thị K, nội dung thể hiện bà Phan Thị K có vay của Nguyễn Thanh V số tiền 5.000.000đồng vào ngày 15/5/2016, thời hạn vay là 50 ngày tính từ ngày 15/5/2016.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, nhưng bị đơn không có bất kỳ phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự, giao dịch vay tiền giữa đôi bên thuộc trường hợp vay không lãi và có kỳ hạn, anh V yêu cầu bà K trả cho anh 5.000.000đồng nợ gốc là hoàn toàn có lợi cho bà K, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà K phải trả đủ cho anh V 5.000.000đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] - Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 5, Khoản 1 Điều 244, Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh V đối với bị đơn Phan Thị K.

Buộc bị đơn **Phan Thị K** trả cho anh **Nguyễn Thanh V** số tiền nợ gốc là **5.000.000 (năm triệu) đồng** ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà K chậm thi hành nghĩa vụ trả nợ cho anh V thì bà K còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị K phải chịu 300.000đồng.
- Hoàn lại cho anh Nguyễn Thanh V số tiền 312.000đồng tạm ứng án phí mà anh V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011117 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Thanh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- Bà Phan Thị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS H. Châu Thành.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI